

Bản án số: **136/2020/DS-PT**
Ngày 19 – 11- 2020
V/v tranh chấp đòi lại tài sản
và hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Phụng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 154/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Hoàng H, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

* *Người đại diện hợp pháp của ông Đoàn Hoàng H:* Bà Đoàn Thị Bích N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số 131, ấp H, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng. (Theo các văn bản ủy quyền ngày 28/11/2019) (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trường tiểu học M. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

* *Người đại diện hợp pháp của Trường tiểu học M:* Ông Đoàn Hồng P, Chức vụ: Hiệu trưởng. (có đơn xin vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Đoàn Hoàng H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:*

Giữa bà và ông Đoàn Hoàng H quen biết nhau cũng là đồng nghiệp cùng công tác tại Trường tiểu học M.

Theo sự phân công của Hiệu trưởng Trường tiểu học M thì bà L được phân công thu các khoản khấu trừ tiền quỹ và tiền trả nợ vay Ngân hàng hàng tháng của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Từ tháng 05 năm 2016 đến tháng 02 năm 2019, ông Đoàn Hoàng H chưa đóng các khoản khấu trừ tiền quỹ và trả nợ vay Ngân hàng là 25 tháng. Trong đó tháng 5, 6, 7, 9, 10, 12 năm 2016; tháng 4, 5, 7, 10, 11, 12 năm 2017; tháng 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12 năm 2018; tháng 1, 2 năm 2019. Tổng số tiền ông Đoàn Hoàng H chưa nộp là 67.525.000 đồng.

Do có quan hệ tình cảm với ông H nên bà L có xuất tiền đóng thay ông H cho Trường tiểu học M và trả nợ vay Ngân hàng đối với số tiền trên.

Vào ngày 25/02/2016, bà L có vay tiền của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện X 80.000.000 đồng. Sau khi vay bà cho ông H vay lại số tiền 50.000.000 đồng để ông H ủi đất thả tôm khi vay hai bên không làm biên nhận lý do giữa bà và ông H có quan hệ tình cảm với nhau nên không làm giấy tờ. nhưng ông H có tin nhắn điện thoại có mượn nợ của bà. Từ ngày ông H vay đến nay thì không có đóng lãi cho bà.

Nay bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đoàn Hoàng H trả nợ cho bà số tiền 117.525.000 đồng trong đó tiền quỹ và trả nợ vay ngân hàng ông H chưa đóng là 67.525.000 đồng và tiền vay 50.000.000 đồng và tính tiền lãi đối với số tiền vay 50.000.000 đồng từ ngày 26/02/2016 đến ngày xét xử theo lãi suất nhà nước.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Đoàn Hoàng H trình bày:*

Ông Đoàn Hoàng H thừa nhận bà Trần Thị L được sự phân công của Hiệu trưởng Trường tiểu học M thu các khoản khấu trừ hàng tháng của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

Hàng tháng khi cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường nộp tiền cho bà L thì phải ký vào danh sách nộp tiền.

Ông H cho rằng các khoản tiền ông H nộp hàng tháng cho bà L có tháng thì ông H ký tên vào danh sách và có tháng ông H không ký tên vào danh sách. Lý do không ký tên là do bà Trần Thị L không đưa danh sách cho ông H ký và ông H

cũng không yêu cầu bà L đưa danh sách cho ông H ký tên do hai người có quan hệ tình cảm với nhau nên tin tưởng nhau.

Ông H cho rằng từ tháng 05/2016 đến năm 2019 thì ông H đã đóng hết các khoản khấu trừ hàng tháng như tiền các loại quỹ và tiền ông H vay của Ngân hàng cho bà L chỉ nợ lại hai tháng là 01 và 02 năm 2019 là chưa đóng với số tiền là 738.000 đồng. Do đó, đối với các khoản tiền khấu trừ hàng tháng ông H chỉ còn thiếu bà L hai tháng với số tiền là 738.000 đồng.

Đối với khoản tiền vay 50.000.000 đồng thì ông Đoàn Hoàng H không thừa nhận có vay của bà L nên không đồng ý thanh toán trả cho bà L. Ông H cho rằng đối với tin nhắn điện thoại bà L nhắn tin cho ông có nội dung “ *Còn 50 triệu tiền ngân hàng thầy hay K trả cũng được* ” nội dung này ông nghĩ là bà L phá ông H và ông H có tin nhắn trả lời có nội dung “ *Trả nhưng chưa có tiền* ”. Bởi vì từ trước đến nay ông H không có vay Ngân hàng khoản tiền nào 50.000.000 đồng, nếu như ông H có thiếu tiền này sau bà L nói không trả cũng được. (BL81) và ông H cho rằng việc bà L kiện đòi số nợ trên là vô lý vì không có ai cho thiếu số tiền lớn như thế mà suốt thời gian dài không yêu cầu thanh toán.

Tại phiên tòa ông Đoàn Hoàng H thừa nhận còn thiếu bà L 02 tháng tiền quỹ tháng 01 và 02/ 2019 là 738.000 đồng ông H đồng ý trả cho bà L số tiền này.

* *Người đại diện theo ủy quyền của ông Đoàn Hoàng H là bà Đoàn Thị Bích N trình bày:* Bà Ngọc cho rằng việc bà L trình bày ông H còn nợ bà L 25 tháng tiền quỹ số tiền 67.525.000 đồng là không đúng mà ông H chỉ còn thiếu bà L 02 tháng tiền quỹ tháng 01 và 02/2019 mỗi tháng là 369.000 đồng và đồng ý trả số tiền thiếu 02 tháng là 738.000 đồng.

Đối với tiền vay 50.000.000 đồng bà L cho rằng ông H còn thiếu là không có vì bà L không có giấy tờ chứng minh ông H thiếu khoản tiền này, bà Ngọc không đồng ý yêu cầu đòi nợ vay của bà L đối với ông H. Và đại diện bị đơn bà Ngọc cho rằng tại sau những người khác thiếu tiền thì bà L đòi trong các cuộc họp của trường, còn ông H thiếu thời gian dài mà bà L không đòi và không nêu ra trong các cuộc họp về khoản nợ ông H thiếu bà L do đó việc bà L cho rằng ông H thiếu tiền quỹ 67.525.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền vay là không có cơ sở.

* *Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trường tiểu học M là ông Đỗ Hoàng Anh trình bày tại giấy xác nhận (BL85) và có lời trình bày tại buổi hòa giải của tòa án:* Vào tháng 9 năm 2015, ông Đỗ Hoàng Anh được bổ nhiệm làm hiệu trưởng Trường tiểu học M và ông có phân công bà Trần Thị L làm thủ quỹ và thu các khoản do cá nhân tự đóng góp và các loại quỹ do trên phát động, những biểu mẫu do bà Trần Thị L tự thiết kế có đưa ra cho tập thể biết, nếu cá nhân nào đóng tiền thì phải ký tên vào danh sách theo quy định của tập thể. Trường hợp chưa ký tên là chưa đóng tiền. Đối với số tiền các khoản đóng khấu trừ hàng tháng bà Trần Thị L đã đóng và giao đủ cho nhà trường.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện X thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 đã quyết định: Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144,

147, 227, 228, 271, 373, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 256, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 166, 357, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các điểm b, d tiểu mục 1.3 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với bị đơn ông Đoàn Hoàng H.

Buộc ông Đoàn Hoàng H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị L tổng số tiền 139.051.650 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên xử về lãi suất chậm thi hành án, về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/8/2020, ông Đoàn Hoàng H kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị L không rút đơn khởi kiện; bị đơn ông Đoàn Hoàng H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bà L rút toàn bộ yêu cầu phân tính lãi suất với số tiền là 21.526.650 đồng trên phần tiền ông H đã vay 50.000.000 đồng và cam kết việc rút là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đoàn Hoàng H và sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không tính lãi số tiền 21.526.650 đồng trên số tiền 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Hồng P vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đoàn Hoàng H vắng

mặt nhưng có người đại theo ủy quyền có mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Hoàng H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Hoàng H về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu bà L buộc ông phải trả số tiền 67.525.000 đồng, vì ông cho rằng từ tháng 05/2016 đến năm 2019 thì ông đã đóng hết các khoản khấu trừ hàng tháng như tiền các loại quỹ và tiền ông vay của Ngân hàng cho bà L, chỉ còn nợ tháng 01 và tháng 02 năm 2019 là chưa đóng với số tiền là 738.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, bà L được Hiệu trưởng Trường tiểu học M phân công làm thủ quỹ thu các khoản khấu trừ tiền quỹ và tiền trả nợ vay Ngân hàng hàng tháng của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Theo như ý kiến xác nhận của Hiệu trưởng trường Tiểu học M (BL 85) và lời khai của ông Phan Thành Thương, ông Phan Minh Nguyễn (BL 91, 95) cũng xác nhận, bà L được lãnh đạo trường phân công thu các loại các khoản khấu trừ hàng tháng, nếu người nào nộp tiền thì ký tên vào danh sách, nếu chưa ký tên thì người đó chưa nộp tiền. Đồng thời, tại phiên tòa ông H xác nhận rằng trong danh sách thu các khoản khấu trừ hàng tháng nếu người nào chưa ký tên vào danh sách là chưa đóng tiền. Như vậy, đây là tình tiết, sự kiện do một bên đương sự thừa nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, việc bà L cho rằng ông H chưa đóng khoản thu khấu trừ hàng tháng gồm tháng 5, 6, 7, 9, 10, 12 năm 2016; tháng 4, 5, 7, 10, 11, 12 năm 2017; tháng 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12 năm 2018; tháng 1, 2 năm 2019, tổng cộng số tiền là 67.525.000 đồng, nên bà L yêu cầu ông H trả số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Hoàng H cho rằng ông không có vay bà L với số tiền 50.000.000, bà L cũng không có chứng cứ nào chứng minh là ông có thiếu bà L số tiền nêu trên, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông trả tiền gốc và lãi là hoàn toàn vô lý. Hội đồng xét xử thấy rằng, tuy bà L cho ông H vay số tiền 50.000.000 đồng để uỷ đất nuôi tôm và không có làm giấy tờ vay. Nhưng bà L có cung cấp được đoạn tin nhắn bà L nhắn cho ông H qua số máy + 84392889380 ngày 21/3/2019 tại đoạn tin nhắn SMS 14:55 (BL19) thể hiện việc bà L có nhắn tin cho ông H nội dung “*Còn 50 triệu tiền ngân hàng thầy hay k trả cũng dc*” sau đó ông H nhắn tin trả lời tại đoạn tin nhắn SMS 14:56 thể hiện việc ông H nhắn tin trả lời nội dung “*Trả, nhưng chưa có tiền*”. Đoạn tin nhắn qua số + 84392889380 ngày 21/3/2019, được lãnh đạo nhà trường xác nhận là số của ông H. Đồng thời, ông H và người đại diện cũng thừa nhận số điện thoại trên và đoạn tin nhắn trả lời đó là của ông H nhắn lại cho bà L (BL101). Tuy nhiên, ông H cho rằng đoạn tin nhắn đó thể hiện khoản tiền khấu trừ hàng tháng chứ không phải số tiền vay 50.000.000 đồng. Nhưng khi xem xét nội dung đoạn tin nhắn nêu trên giữa bà L với ông H là đề cập đến việc ông H vay tiền 50.000.000 đồng, không phải các

khoản khấu trừ hàng tháng còn thiếu bà L có 02 tháng với số tiền 738.000 đồng như ông H trình bày. Do đó, việc bà L yêu cầu ông H trả số tiền vay nêu trên là cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà L đồng ý rút toàn bộ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền ông H vay 50.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút yêu cầu này của Lãnh là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và không khiếu nại gì về sau. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đối với phần yêu cầu này của bà L.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đoàn Hoàng H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu và án phí sơ thẩm được xác định lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, 228, Điều 92, khoản 2 Điều 308 và khoản 6 Điều 313 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Hoàng H.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị L đồng ý không tính lãi đối với số tiền ông Đoàn Hoàng H đã vay. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 18/2020/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 227, 228, 271, 373, 278 và 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 256, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 166, 357, 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các điểm b, d tiểu mục 1.3 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L đối với bị đơn ông Đoàn Hoàng H.

Buộc ông Đoàn Hoàng H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị L tổng số tiền 117.525.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Hoàng H phải nộp 5.876.250 đồng án phí dân sự có giá ngạch tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Bà Trần Thị L được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.219.490 đồng theo biên lai số 0009136 ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Hoàng H được hoàn trả lại án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005521 ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Văn Phụng